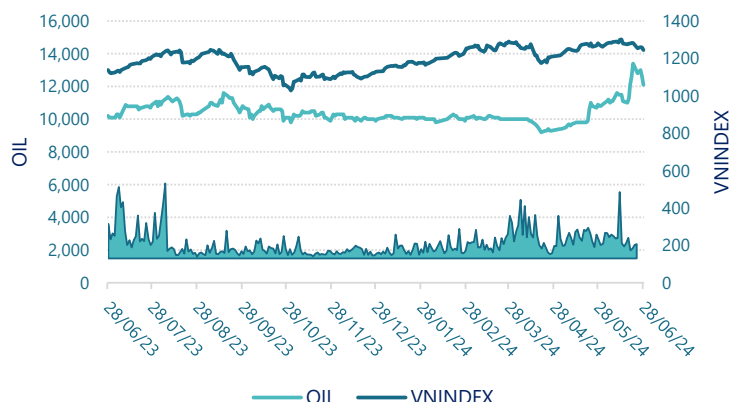


Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (UPCOM: OIL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	12,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,200
SL cổ phiếu LH	1,034,229,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,526,930
% sở hữu nước ngoài	5.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,514
P/E	26.1
EPS	464

DT thuần

Q2/24

34,755

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5,131 | 17.3%

YoY: ▲ 12,430 | 55.7%

LN sau thuế

Q2/24

94.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼150 | -61.5%

YoY: ▼70.0 | -42.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

0.5%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

6T 2024

64,380

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21,517 | 50.2%

LN sau thuế

6T 2024

338

tỷ VNĐ

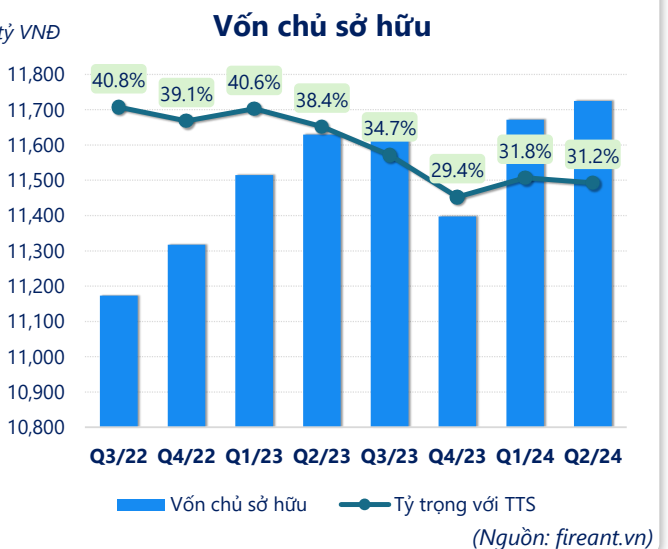
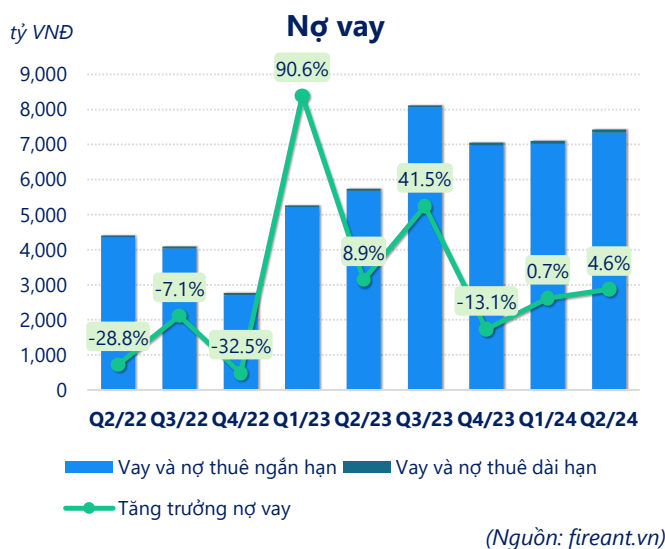
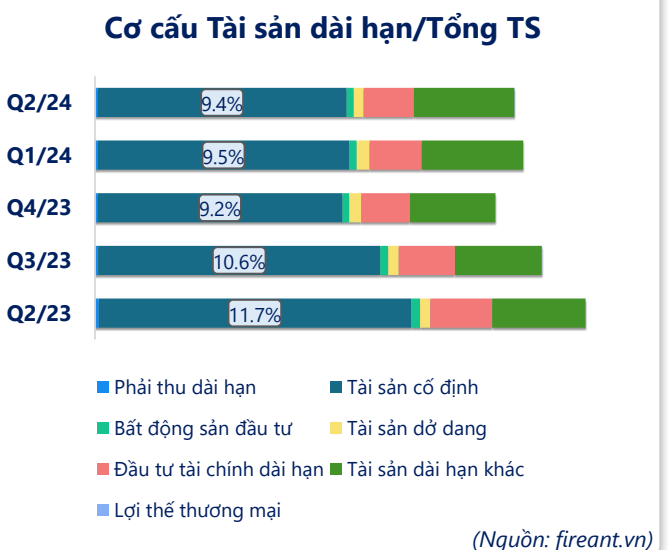
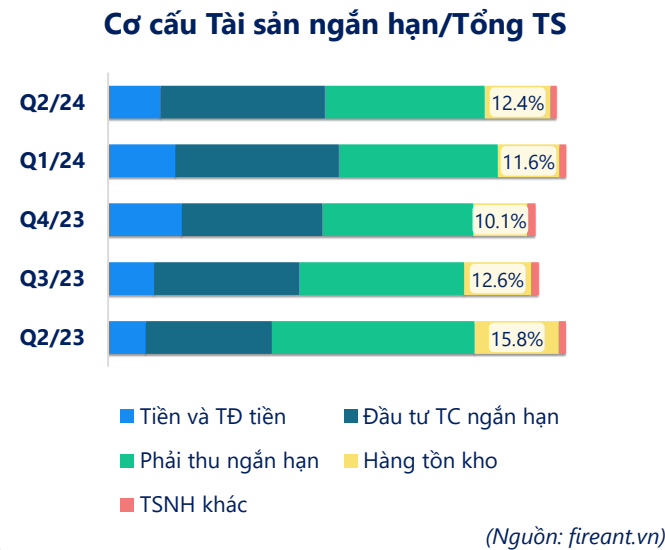
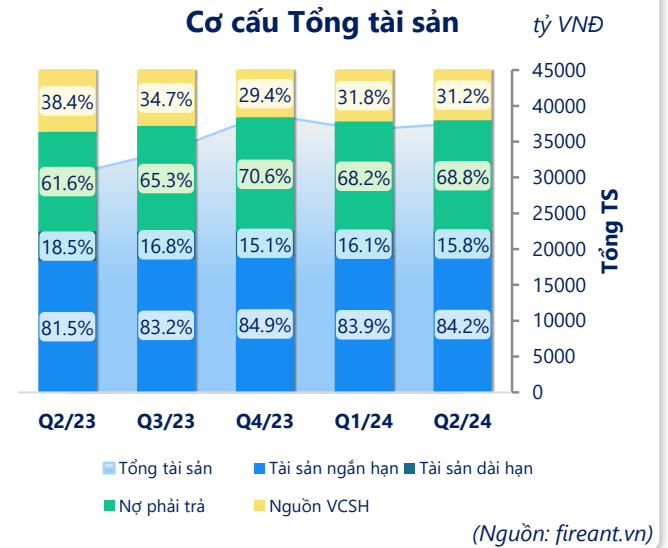
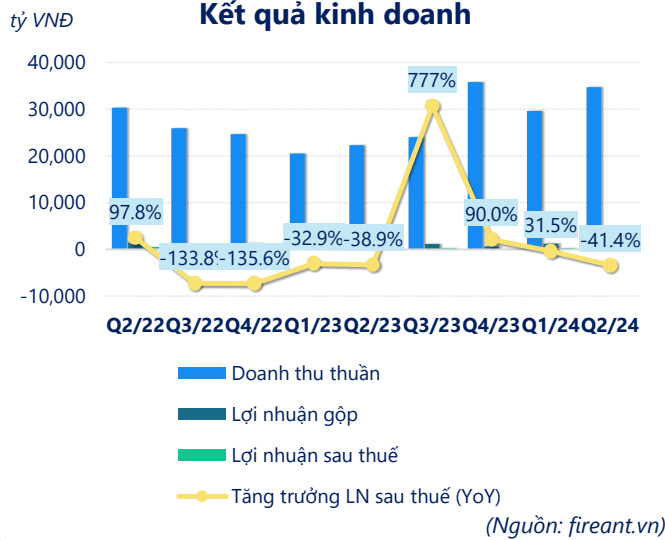
YoY: ▼91.0 | -21.2%

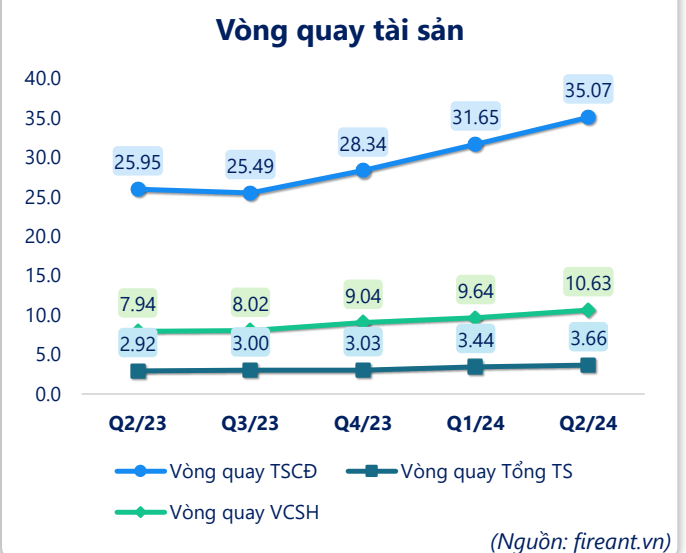
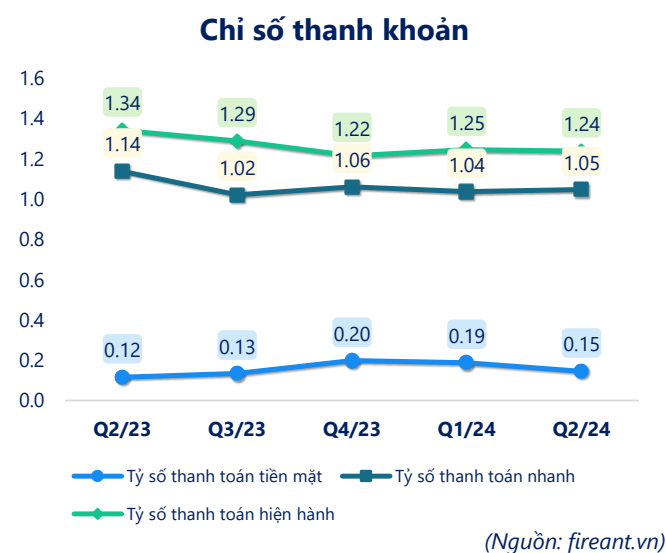
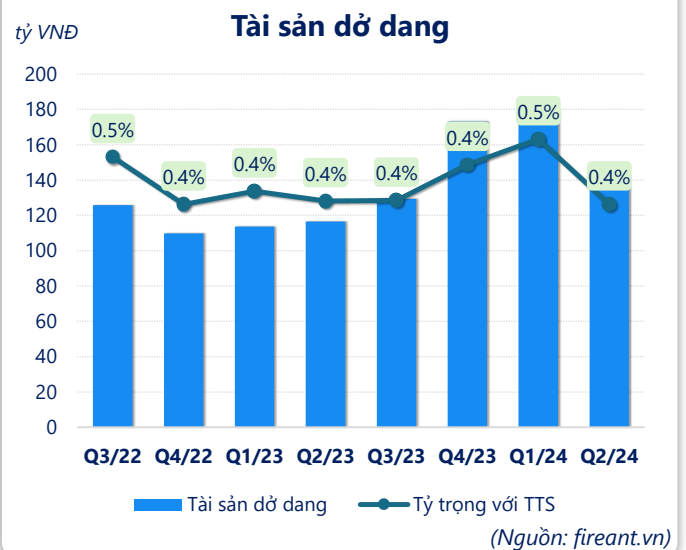
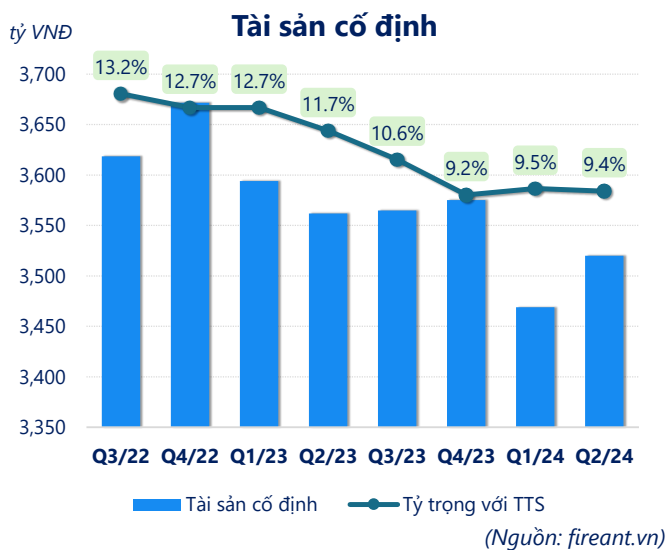
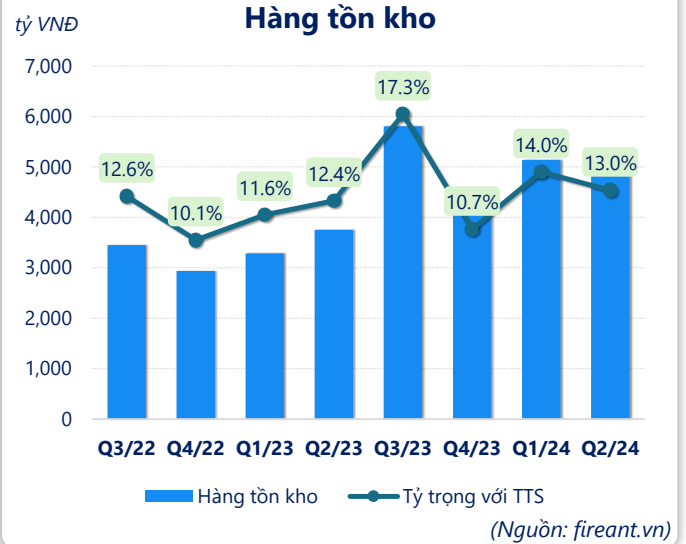
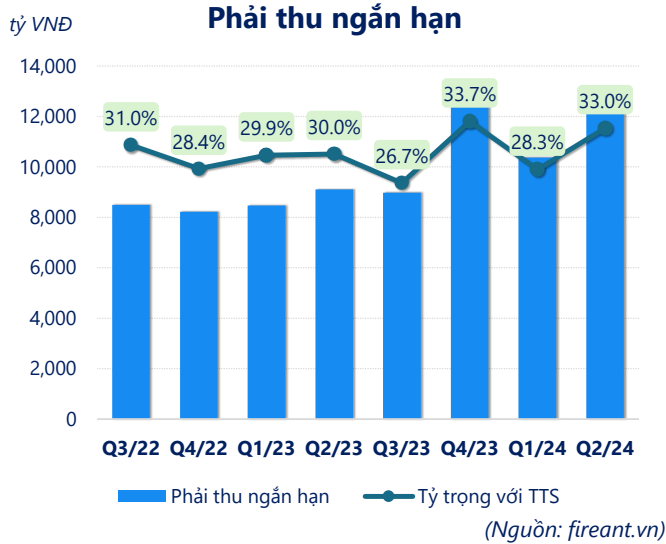
ROE

Q2/24

4.1%

+/- YoY: ▲ 1.4%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	30,314	33,587	38,811	36,660	37,593
Tài sản ngắn hạn	24,719	27,943	32,966	30,755	31,660
Tiền và tương đương tiền	2,131	2,907	5,381	4,634	3,710
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,373	9,908	9,889	10,242	10,146
Phải thu ngắn hạn	9,108	8,983	13,094	10,366	12,399
Hàng tồn kho	3,752	5,802	4,170	5,136	4,872
Tài sản ngắn hạn khác	354	342	432	376	533
Tài sản dài hạn	5,595	5,644	5,845	5,905	5,933
Phải thu dài hạn	42.1	39.8	37.6	38.1	37.8
Tài sản cố định	3,562	3,565	3,575	3,469	3,520
Bất động sản đầu tư	103	102	101	101	99.8
Tài sản dở dang	117	129	173	180	142
Đầu tư tài chính dài hạn	705	709	713	715	711
Tài sản dài hạn khác	1,066	1,097	1,245	1,403	1,422
Lợi thế thương mại	0.99	0.83	0.66	0.50	0.33
Nợ phải trả	18,684	21,936	27,414	24,988	25,868
Nợ ngắn hạn	18,419	21,662	27,112	24,687	25,564
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,678	8,061	6,967	7,019	7,342
Phải trả người bán ngắn hạn	6,648	6,776	13,605	11,018	11,715
Nợ dài hạn	265	274	302	301	304
Vay và nợ thuê dài hạn	58.7	56.4	87.8	86.2	89.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,630	11,651	11,397	11,672	11,725
Vốn chủ sở hữu	11,630	11,651	11,397	11,672	11,725
Vốn điều lệ	10,342	10,342	10,342	10,342	10,342
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)